TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/DS - ST
Ngày 18/9/2017
V/v:"***Tranh chấp về HĐ hụi"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thế Hà;

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương, là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh: Bà Đinh Thị Vân Anh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Nhà văn hóa thôn II, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-DS ngày 17/5/2017, về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng hụi*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1965 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1969, bà N ủy quyền cho ông K theo Giấy ủy quyền xác lập ngày 07/6/2017, ông K có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn III, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn A**,** sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974, có mặt.

Địa chỉ: Cùng ở xóm 3, thôn III, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (lập ngày 05/4/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/5/2017), bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Trần Văn K tại phiên tòa hôm nay, thì:

Từ chỗ quen biết với nhau nên vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Hoàng Văn A có tham gia chơi hai dây hụi do vợ chồng ông làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 10/01/2015, gồm 24 chân hụi, hụi tháng giá 5.000.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 10/12/2016. Vợ chồng bà B, ông A tham gia chơi một chân và hốt hụi vào tháng 02/2015 và ông, bà đóng hụi chết đến tháng 01/2016, thì không đóng nữa. Từ tháng 02/2016 đến tháng 12/2016, dây hụi này đã mãn, nhưng ông A, bà B vẫn không đóng tiền nên nợ tiền hụi của dây hụi này là: 55.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 30/6/2015, gồm 24 chân hụi, hụi tháng giá 5.000.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/5/2017. Vợ chồng ông A, bà B tham gia chơi một chân và hốt hụi vào tháng 12/2015 và ông, bà đóng hụi chết đến tháng 01/2016, thì không đóng nữa. Từ tháng 02/2016 đến tháng 05/2017, dây hụi này đã mãn, nhưng ông A, bà B vẫn không đóng tiền nên nợ tiền hụi của dây hụi này là 80.000.000 đồng.

Tổng số nợ tiền hụi của hai dây hụi trên vợ chồng ông A, bà B nợ là: 135.000.000 đồng.

Trước khi tham gia chơi hai dây hụi này, bà B còn nợ ông bà số tiền 4.000.000 đồng, ở những năm trước nên kết nợ lại là 139.000.000 đồng.

Ông bà đã đến nhà đòi nợ rất nhiều lần, nhưng ông A, bà B cố tình không trả.

Ông bà viết đơn gửi đến Công an xã M nhờ giải quyết và kết quả hòa giải thành vào ngày 19/8/2016, thì bà B đồng ý mỗi tháng trả nợ cho vợ chồng ông cụ thể là:

+ Trong tháng 9/2016, trả 20.000.000 đồng;

+ Đến tháng 11/2016, trả 22.000.000 đồng;

+ Từ tháng 02/2017, tiếp tục đóng hụi mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Thế nhưng ông A, bà B không trả tiền và đóng hụi cho ông bà theo Biên bản giải quyết đơn ngày 19/8/2016, của Công an xã M.

Ông, bà tiếp tục làm đơn gửi cho UBND xã M nhờ giải quyết và vào ngày 23/3/2017, tại UBND xã M tiến hành hòa giải, nhưng không thành vì bà B xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng nên ông bà không đồng ý.

Nay ông yêu cầu ông A, bà B phải trả cho vợ chồng ông số tiền là 100.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi suất số tiền này, số tiền còn lại là 39.000.000 đồng, ông đồng ý cho vợ chồng bà B, không tranh chấp nữa.

Nếu ông A, bà B còn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho vợ chồng ông, thì ông yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông A, bà B còn phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật đến khi trả xong số nợ trên.

Tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của ông bà là có căn cứ và hợp pháp gồm:

+ 02 bản danh sách hai dây hụi (*bản gốc*);

+ 01 biên bản giải quyết đơn (*bản chính*);

+ 01 biên bản hòa giải (*bản chính*).

Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà Nguyễn Thị B, ông Hoàng Văn A tại phiên tòa hôm nay, thì:

Vợ chồng ông bà chỉ quen biết vợ chồng ông K qua việc chơi hụi tại chợ, không có bà con họ hàng gì.

Trong quá trình chơi hụi do vợ chồng ông K làm chủ, thì chỉ có bà B là người tham gia trực tiếp chơi hụi, còn ông A không tham gia chơi hụi, nhưng biết bà B có chơi hụi.

Về việc ông K khai quá trình tham gia chơi hụi và nợ số tiền hụi là: 139.000.000 đồng là hoàn toàn đúng, ông bà không có tranh chấp về số tiền này.

Nay, ông bà chỉ xin vợ chồng ông K cho trả số tiền nợ hụi mà vợ chồng ông bà đã nhận là 80.000.000 đồng và số tiền lãi hụi là 20.000.000 đồng, số tiền 39.000.000 đồng hụi lãi, thì cho ông bà xin.

Bởi, hoàn cảnh kinh tế của ông bà hiện nay rất khó khăn nên ông bà chỉ xin trả dần, còn trả một lúc thì không có khả năng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau, nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, cho rằng; Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biển ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ tranh chấp*:

Ngày 16/5/2017, vợ chồng bà N, ông K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B và ông Hoàng Văn A phải trả số tiền nợ hụi là 139.000.000 đồng. Do đó Tòa án xác định

quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp về hợp đồng hụi*" là phù hợp với Điều 479 BLDS năm 2005 và khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

- *Xét về yêu cầu của nguyên đơn*:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Được bị đơn thừa nhận trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay. Nhưng bị đơn cho rằng mình hốt hụi chỉ có 80.000.000 đồng, nên đồng ý trả lại 80.000.000 đồng và 20.000.000 đồng lãi hụi, số nợ hụi lãi còn lại là 39.000.000 đồng, thì cho bị đơn xin.

Nguyên đơn đồng ý cho bị đơn số tiền hụi 39.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền 100.000.000 đồng, theo sự đồng ý nhận nợ của bị đơn, nhưng không đồng ý phương thức trả dần của bị đơn mà phải trả trong thời hạn là 03 tháng. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận này của nguyên đơn và bị đơn là bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 100.000.000 đồng, là có căn cứ.

+ Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp theo Điều 147 BLTTDS 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

+ Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các Điều 147, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị N;

- Công nhận sự thỏa thuận giữa: Ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị N với ông Hoàng Văn A và bà Nguyễn Thị B.

Ông Hoàng Văn A và bà Nguyễn Thị B đồng ý trả cho ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị N số tiền là: 100.000.000 đồng.

+ Về án phí:

- Ông Hoàng Văn A và bà Nguyễn Thị B phải nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 3.475.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0011941 ngày 17/5/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa đều công nhận số tiền nợ là 139.000.000 đồng. Từ việc bà B tham gia chơi các dây hụi do ông K, bà N làm chủ và còn nợ tiền hụi của ông K, bà N số tiền là 139.000.000 đồng.

Sự thừa nhận này của bà B, ông A là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (*Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*).

Tại phiên tòa ông K yêu cầu vợ chồng bà B, ông A phải trả số tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất từ ngày mãn hụi cho đến nay.

Số tiền nợ còn lại là 39.000.000 đồng, ông cho rằng hoàn cảnh gia đình ông A, bà B có khó khăn và vợ chồng bà B xin được trả số tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng nên ông đồng ý cho vợ chồng bà B số tiền 39.000.000 đồng.

Hơn nữa qua xem xét một cách toàn diện về lời khai của bà B, ông A có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của ông A, bà B tại phiên tòa hôm nay, thì thấy bà B, ông A điều thừa nhận số tiền nợ hụi là 139.000.000 đồng, nhưng để tạo điều kiện cho ông bà trả số tiền nợ trên nên ông bà xin được trả số tiền 100.000.000 đồng, số tiền còn lại cho ông bà xin.

Thấy rằng; Yêu cầu xin trả số tiền 100.000.000 đồng của vợ chồng bà B, ông A đã được ông K chấp nhận tại phiên tòa hôm nay, số tiền còn lại 39.000.000 đồng, ông K đồng ý cho vợ chồng bà B, ông A.

Nghĩ nên; công nhận sự thỏa thuận này của nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ và đúng pháp luật, theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Xét về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ông K không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ hụi từ tháng 06/2017 cho đến nay, nhưng nếu bà B, ông A còn chậm trả tiền thì ông K yêu cầu phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với mức lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi, theo mức lãi suất là: 10%/năm đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K và bà N khởi kiện yêu cầu bà B, ông A phải trả tiền và được Tòa án chấp nhận nên bà B, ông A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Thị N.

Theo ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng</u>:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 203, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 427, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

<u>Tuyên xử:</u>

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N và ông Trần Văn K đối với bà Nguyễn Thị B và ông Hoàng Văn A về tranh chấp hợp đồng hụi.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa: Bà Huỳnh Thị N và ông Trần Văn K đối với bà Nguyễn Thị B và ông Hoàng Văn A, như sau:

bà Nguyễn Thị B và ông Hoàng Văn Aphải trả cho bà Huỳnh Thị N và ông Trần Văn K số tiền là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà N, ông K có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà B, ông A còn chậm trả tiền, thì phải trả lãi theo mức lãi suất là: 10%/năm đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hoàng Văn A và Bà Nguyễn Thị B phải nộp 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), án phí dân sự sơ thẩm;

- Trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 3.475.000 đồng (*ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*), tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: 0011941 ngày 17/5/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

3. Veà quyeàn khaùng caùo:

Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (*ngày 18/9/2017*), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- CC. THADS huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiệp

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Tánh Linh;
- CC THA DS huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA THIÊN TÒA